

Số: *147*/BC-NSC

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2012

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN
Năm báo cáo: 2011

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty cổ phần Ngân Sơn, tiền thân là Công ty nguyên liệu thuốc lá Bắc, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty thuốc lá Việt nam (Vinataba), được thành lập theo quyết định số 1738/QĐ-TCCB ngày 13/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất chế biến, kinh doanh và xuất khẩu nguyên liệu thuốc lá. Vốn điều lệ đến ngày 31/12/2010: 69.131.330.000 đồng. Ngày 29/12/2006 công ty chính thức niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà nội (Nay là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

2. Quá trình phát triển:

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty gồm:

- Trồng trọt, thu mua, sơ chế tách cọng, tiêu thu nguyên liệu thuốc lá và các sản phẩm nông nghiệp;
- Kinh doanh thuốc lá bao, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ cho ngành thuốc lá; Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông, thủy, hải sản và hàng tiêu dùng.
- Sản xuất và mua bán vật tư nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và nguyên liệu làm thuốc) và các sản phẩm nhựa;
- Kinh doanh kho bãi, kinh doanh dịch vụ kho vận, kho ngoại quan;
- Kinh doanh các dịch vụ: ăn uống, nhà hàng, lễ hành nội địa, lễ hành quốc tế và các dịch vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát, karaoke, vũ trường, quán bar).
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar).
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định.
- Gia công, chế tạo, mua bán các sản phẩm cơ khí; Mua bán các thiết bị máy, phụ tùng.

- Ươm, nuôi trồng, mua bán hoa, cây cảnh, cây ăn quả, cây bóng mát, cây công nghiệp, cây giống, dịch vụ bảo vệ thực vật.
 - Chăn nuôi, mua bán, xuất khẩu vật nuôi lâm sản (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm).
- 2.2. Tình hình hoạt động: Những thành tích chủ yếu đạt được sau cổ phần hóa

T T	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2006	TH 2007	TH 2008	TH 2009	TH 2010	TH 2011
1	Doanh thu <i>Kim ngạch XK</i>	Tr.đ Tr.\$	236,000 0.11	285,686 2.7	425,285 9.517	592,834 12.553	526,142 10,6	622,307 7
2	Lợi nhuận	Tr.đ	11,590	10,547	13,713	15,605	20,564	24,827
3	Nộp Ngân sách	Tr.đ	5,640	3,230	6,466	7,6	11,289	23,148
4	Thu nhập BQ/ng/tháng	Tr.đ	2.0	2.3	2.7	3.4	4.225	5,3

Năm 2006: được khen thưởng Cờ thi đua Bộ Công nghiệp

Năm 2007: được khen thưởng Cờ thi đua Bộ Công thương

Năm 2008: được khen thưởng Cờ thi đua của Chính phủ và Huân chương Lao động hạng 3 sau 15 năm thành lập phát triển.

Năm 2009: được khen thưởng Cờ thi đua của Chính phủ

Năm 2010: được khen thưởng Cờ thi đua Bộ Công thương

Năm 2011: được khen thưởng Cờ thi đua của Chính phủ

3. Định hướng phát triển :

3.1. Mục tiêu:

Năm 2012, Công ty phấn đấu đạt các chỉ tiêu cơ bản sau: Doanh thu 690 tỷ; Lợi nhuận trước thuế 28 tỷ đồng; Nộp ngân sách 19,6 tỷ; Tỷ lệ cổ tức 18%; Thu nhập bình quân 5,3 triệu đồng/người/tháng; Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ 36%;

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Giai đoạn 2011-2012 triển khai Dự án đổi mới dây chuyền thiết bị, nâng công suất chế biến công nghiệp lên gấp 3 lần công suất hiện nay và dự kiến đưa vào hoạt động vào đầu quý 3 năm 2012;

- Mục tiêu trong giai đoạn 2010 – 2015: Diện tích, năng suất, sản lượng, Doanh thu, nộp ngân sách, lợi nhuận đảm bảo hiệu quả:

2010 – 2011: tăng 10%/năm;

2012: tăng 20%

2013 – 2014: tăng 15%/năm

Từ năm 2015: tăng 20%/năm

- Tiếp tục cân đối vốn Điều lệ Công ty để phù hợp với yêu cầu kinh doanh mới;

- Phát huy và không ngừng phát triển thương hiệu Ngân Sơn trên thị trường quốc tế và nội địa, đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định của công ty;
- Có giải pháp hợp lý để ổn định đầu tư phát triển vùng trồng, nâng cao chất lượng nguyên liệu trong nước đáp ứng yêu cầu cho các đơn vị thuốc lá điếu và xuất khẩu;
- Đa dạng hoá ngành nghề, nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty;
- Đào tạo, phát triển, đáp ứng nguồn nhân lực theo yêu cầu đổi mới trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2011:

Thuận lợi:

- Công ty vẫn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện có hiệu quả của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam trong suốt quá trình hoạt động SXKD năm 2011.
- Lĩnh vực *sản xuất nguyên liệu thuốc lá* được Chính phủ khuyến khích phát triển theo quy hoạch.
- Cây thuốc lá được chính quyền địa phương và người nông dân xác định là cây công nghiệp chủ lực, góp phần cải thiện kinh tế, xóa đói giảm nghèo cho người nông dân sống tại các tỉnh miền núi.
- Sự hợp tác truyền thống trong các mối quan hệ với nhà cung ứng: chính quyền địa phương vùng nguyên liệu, nông dân trồng thuốc lá, các đơn vị liên doanh, liên kết; với khách hàng: Các nhà máy thuốc lá điếu,... là thế mạnh của Công ty trong kinh doanh.
- Đối tượng khách hàng của Công ty được mở rộng và tăng hơn trước, chất lượng hàng hóa ổn định, đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Uy tín của Công ty ngày càng được khẳng định và nâng lên rõ rệt.
- Tập thể lãnh đạo, người lao động ngày một trưởng thành, nội bộ đoàn kết, một lòng gắn bó với sự nghiệp phát triển chung của Công ty.
- Công ty tiếp tục duy trì và phát huy hết công suất hoạt động của dây chuyền sơ chế tách cọng, tạo nhiều mẫu sản phẩm đáp ứng yêu cầu đa dạng của khách hàng.
- Bộ máy quản lý điều hành đã có kinh nghiệm sau 5 năm hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, kinh nghiệm về hội nhập kinh tế trong cơ chế thị trường, kinh nghiệm hợp tác kinh doanh với đối tác trong và ngoài nước. Việc xác lập thị trường cung cấp được mở rộng và củng cố cả chiều sâu.

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam trong hoạch định chiến lược phát triển ngành và các mối quan hệ trong thị trường nội bộ.

- Sự nhất trí, đồng thuận và ủng hộ cao của Đại hội đồng cổ đông liên tục trong nhiều năm qua, từ ngày cổ phần hóa Công ty đến nay, thể hiện rõ qua từng kỳ đại hội thường niên và đại hội nhiệm kỳ, tạo niềm tin và chỗ dựa vững chắc về các nguồn lực vật chất, tinh thần cho HĐQT, Ban điều hành kẻ vai sát cánh điều hành Công ty hoạt động hiệu quả và ngày càng phát triển.

- Truyền thống đoàn kết, đồng thuận hợp tác hỗ trợ và chia sẻ trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Đảng ủy và các tổ chức đoàn thể.

Khó khăn:

- Năm 2011 là năm đầy biến động trên toàn thế giới. Các biến động xảy ra ở nhiều khu vực, dưới nhiều dạng thức khác nhau, từ các thảm họa thiên nhiên đến những sự kiện kinh tế - chính trị - xã hội, làm ảnh hưởng nghiêm trọng, chao đảo nhiều nền kinh tế trên thế giới và khu vực, Việt Nam cũng không tránh khỏi những tác động có tính toàn cầu trên. Ngay từ đầu năm 2011, các doanh nghiệp nói chung & Công ty cổ phần Ngân Sơn nói riêng phải đối mặt với biến động phức tạp của cuộc khủng hoảng tài chính – khủng hoảng kinh tế toàn cầu và khu vực.

- Tình hình tiêu thụ nguyên liệu thuốc lá khá trầm lắng, sản lượng tiêu thụ giảm, kênh tiêu thụ xuất khẩu chưa xác lập được các hợp đồng mới; Công tác đàm phán và ký kết hợp đồng với các đối tác gặp nhiều khó khăn về giá tiêu thụ. Giá thu mua nguyên liệu vụ Xuân 2011 tăng cao so với năm trước khoảng 30 – 40 %, trong khi đó giá bán với các Công ty thuốc lá điều tăng không tương xứng. Ngoài ra, mặt bằng lãi suất cho vay của các ngân hàng khá cao (trên 20%). Vốn Điều lệ chưa đủ đảm bảo cho yêu cầu hoạt động SXKD, hầu hết vốn kinh doanh Công ty đều phải vay và dư nợ vốn vay ngân hàng lớn dẫn đến chi phí tài chính tăng cao, ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD của Công ty.

- Sản lượng tồn kho nhiều, tiến độ thanh toán của các Công ty thuốc lá điều chậm, ảnh hưởng đến nguồn vốn huy động phục vụ SXKD, làm tăng chi phí lãi vay ngân hàng; Công tác phát hành trái phiếu chuyển đổi của Dự án đầu tư đổi mới dây chuyền thiết bị sơ chế nguyên liệu không đạt kế hoạch (chỉ đạt 74,7%), ảnh hưởng đến nguồn vốn huy động cho Dự án. Các yếu tố này đều góp phần gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Đánh giá chung kết quả SXKD năm 2011:

Năm 2011, mặc dù gặp nhiều khó khăn lớn về suy thoái kinh tế và lạm phát tài chính tác động mang tính toàn cầu và khu vực, nhiều khó khăn ảnh hưởng trực tiếp từ

trong nước tới hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh về nguyên liệu của Công ty, nhưng HĐQT và Ban điều hành đã hợp tác chặt chẽ, toàn tâm, toàn ý có nhiều chủ trương định hướng đúng, nhiều biện pháp triển khai tích cực quyết liệt trong điều hành SXKD trên các lĩnh vực : Sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp và thương mại, nhạy bén nắm bắt tình hình thị trường, chủ động dự báo nhu cầu, khắc phục nhược điểm và nâng cao chất lượng sản phẩm mới, khéo léo và linh hoạt trong giải quyết công nợ để giảm chi phí lãi vay, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội cổ đông quyết nghị và thỏa thuận giao của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam, kết quả:

+ Doanh thu: đạt 622.307 triệu đồng, bằng 103,7% kế hoạch và bằng 118,3% so CKNT.

+ Lợi nhuận: đạt 24.827 triệu đồng, bằng 112,9 % kế hoạch và bằng 120,7 % so CKNT.

+ Nộp ngân sách: đạt 23.148 triệu đồng, bằng 192,9 % kế hoạch và bằng 152 % so CKNT.

+ Tỷ suất LN/vốn chủ sở hữu đạt 35,9 %, bằng 112,9 % kế hoạch và bằng 97,8 % so với CKNT.

+ Tỷ lệ cổ tức dự kiến 18 %, đạt 100% kế hoạch.

Nhờ duy trì và đổi mới một bước về chất các phiên họp HĐQT như chủ động phân tích, dự báo biến động của thị trường, quyết đoán đúng các cơ hội kinh doanh trên cơ sở các nguồn lực được xây dựng và tích lũy của Công ty trong nhiều năm, Công ty cổ phần Ngân Sơn đã vượt qua nhiều thách thức quyết liệt của cơ chế thị trường, một năm nữa chúng ta tiếp tục hoàn thành tốt mục tiêu SXKD. Công ty cổ phần Ngân Sơn là 1 trong 5 đơn vị của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam được tặng cờ của Chính phủ về phong trào thi đua năm 2011.

Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm cuối năm ở trạng thái lành mạnh.

2. Định hướng phát triển Công ty năm 2012 và thời gian tới:

2.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2012

Trên cơ sở kết quả SXKD năm 2011, căn cứ nhận định đánh giá tình hình thực tế hiện nay, theo đề xuất của Giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị, Ban điều hành xác định quyết tâm chỉ đạo tổ chức hoạt động SXKD năm 2012 đạt các chỉ tiêu cơ bản sau:

- Doanh thu: 690 tỷ VNĐ

- Kim ngạch xuất khẩu: 10 triệu USD

- Lợi nhuận trước thuế 28 tỷ VND
- Nộp ngân sách: 19,8 tỷ VND

2.2. Một số định hướng phát triển Công ty:

- Tiếp tục đầu tư sâu vào mặt trận nông nghiệp, thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý kỹ thuật sản xuất nguyên liệu, nâng cao một bước về chất lượng. Có phương thức đầu tư hợp lý, ổn định phát triển vùng trồng, hình thành các vùng nguyên liệu đặc thù, tạo sản phẩm khác biệt chất lượng cao, cung cấp theo nhu cầu của thị trường, mục tiêu kế hoạch năm 2012 tăng khoảng 30% so với thực hiện 2011.

- Tiếp tục đổi mới, tái cơ cấu Công ty theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 khoá XI và Chỉ thị 03/CT – TTg ngày 17 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, tập trung vào các nội dung: Tái cơ cấu về tổ chức, nhân sự và SXKD, về nguồn vốn, tái cơ cấu sản phẩm cho nội tiêu, xuất khẩu. Đồng thời xây dựng chiến lược phát triển Công ty.

- Giữ vững và đẩy mạnh phát triển thị trường truyền thống, đảm bảo đáp ứng 50% sản lượng nguyên liệu cho các đơn vị thành viên thuộc điều theo quy định của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam, nắm bắt kịp thời các cơ hội phát triển thị trường mới cũng như mở rộng các mối quan hệ bạn hàng, thúc đẩy hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả cao.

- Thực hiện đúng tiến độ Dự án, phân đầu đưa dây chuyền chế biến mới vào vận hành SX trong Quý III/2012.

- Khai thác, tìm kiếm nguồn nguyên liệu cung ứng đầu vào, đảm bảo đạt 65 – 70% công suất hoạt động của thiết bị trong năm đầu của dự án.

- Mở rộng quan hệ hợp tác, tích cực khai thác, cân đối nguồn vốn và xây dựng các giải pháp tài chính nhằm huy động vốn có hiệu quả cho Dự án. Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

- Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, cán bộ kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lao động, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ kế cận theo đề án tái cơ cấu tổ chức và hoạt động Công ty.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính:

- Khả năng sinh lời:

Hệ số LNST/Doanh thu thuần (Rp) = 2,99%

Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (Re) = 14,49%

Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA) = 4,74%

- Khả năng thanh toán:

Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (R_{tq}) = 1,49 lần

(*Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả*)

Hệ số thanh toán ngắn hạn (R_c) = 1,58 lần

(*Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn*)

Hệ số thanh toán nhanh (R_q) = 0,497 lần

(*[(Tài sản ngắn hạn - HTK)/Tổng nợ ngắn hạn]*)

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

Các hệ số cơ cấu vốn (%)

Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn = 67,30

Hệ số NVCSH/Tổng nguồn vốn = 32,70

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)

Vòng quay hàng tồn kho = 2,688

(*Giá vốn hàng bán/Trị giá hàng tồn kho*)

Vòng quay các khoản phải thu = 8,748

(*Doanh thu thuần/Số dư bình quân các khoản phải thu*)

Vòng quay vốn chủ sở hữu = 4,85

(*Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu*)

Doanh thu thuần/Tổng tài sản = 1,59

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo: 18.334 đồng/cổ phiếu.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

+ Cổ phiếu thường: 6.913.133 cổ phiếu

+ Cổ phiếu ưu đãi: Không

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

+ Cổ phiếu thường: 6.913.133 cổ phiếu

+ Cổ phiếu ưu đãi: Không

- Số liệu cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không

- Cổ tức: 18% bằng tiền mặt

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong SXKD, nhưng do Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã chủ động, linh hoạt, có nhiều giải pháp triển khai hợp lý trong việc chỉ đạo, điều hành như: Đẩy mạnh sản xuất và chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, tăng tỷ trọng thành phẩm chế biến nguyên liệu thuốc lá trong tiêu thụ; Cải tiến và khai thác tối đa công suất của dây chuyền sấy lại; Tập trung chỉ đạo công tác thu mua nguyên liệu thuốc lá, chú trọng dự báo nhu cầu, khắc phục nhược điểm và nâng cao chất lượng sản phẩm mới, tập trung thu hồi công nợ để giảm chi phí lãi vay; thực hành tiết kiệm chống

lãng phí... nhằm thực hiện đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, kết quả nhìn chung các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch. Trong đó cụ thể như sau:

- Doanh thu: đạt 622.307 tr.đồng, bằng 103,7% so với kế hoạch năm và bằng 118,3% so CKNT.

- Lợi nhuận trước thuế: đạt 24.827 tr.đồng, bằng 112,9% so với kế hoạch năm và bằng 120,7% so CKNT.

- Nộp Ngân sách: đạt 23.148 tr.đồng, bằng 192,9% so với kế hoạch năm và bằng 152% so CKNT.

- Tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ: 35,9%, bằng 112,9% so kế hoạch và bằng 97,8% so CKNT.

Chỉ tiêu	ĐVT	KH Năm 2011	TH Năm 2011	Tỷ lệ %	
				TH/KH	TH/CKNT
1. Sản lượng thu mua	Tấn	8.000	7.500	93,7	70,6
2. Sản lượng tiêu thụ	Tấn				
- Nguyên liệu lá	"	2.700	1.978	73,2	62,2
- Nguyên liệu tách cọng	"	5.700	5.375	94,3	132,7
- Cọng thuốc lá	"	1.000	582	58,2	34,5
3. Sản lượng GCCB	Tấn	10.000	8.300	83,0	80,5
4. Doanh thu	Tr.đ	600.000	622.307	103,7	118,3
5. Lợi nhuận	Tr.đ	22.000	24.827	112,9	120,7
6. Nộp NS (VAT-thực nộp)	Tr.đ	12.000	23.148	192,9	152,0

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

3.1 Công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch

Năm 2011, trên cơ sở đánh giá nhu cầu và khả năng tiêu thụ, Công ty xây dựng kế hoạch diện tích là 6.000 ha. Ngay từ đầu năm Công ty đã tiến hành giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị. Kết quả năm 2011, diện tích đầu tư gieo trồng đạt 5375 ha.

Từ diện tích thực hiện, xác định thị trường thu mua nguyên liệu năm 2011 sẽ gặp nhiều khó khăn hơn các năm trước, giá mua nguyên liệu sẽ tăng cao, lạm phát tăng, khả năng tiêu thụ nội địa sẽ giảm. Vì vậy, Ban điều hành Công ty xác định: Ưu tiên mua sản lượng của nông dân trực tiếp đầu tư, sản lượng của vùng dự án BAT, mua theo tiến độ phân cấp đóng kiện, ưu tiên mua thuốc cấp cao ... tất cả dựa trên nguyên tắc mua nhanh, bán nhanh để quay vòng vốn nhanh, giảm chi phí lãi vay, tăng hiệu quả kinh doanh.

Từ kết quả đầu tư trồng bằng phân NPK do Công ty tự sản xuất đã được đánh giá có chất lượng tốt tác động đến năng suất, chất lượng cây thuốc lá những năm qua, năm

2011 Công ty tiếp tục sản xuất và cấp đầu tư được 1562 tấn phân bón cung cấp cho các vùng trồng nguyên liệu do Công ty đầu tư.

Cùng với giao nguyên liệu nguyên lá cho các nhà máy, để đảm bảo chất lượng, giảm tổn thất trong bảo quản, Công ty đã chủ động chuyển nguyên liệu thô sang sơ chế tách cọng, vừa đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào cho dây chuyền chế biến, vừa làm tăng giá trị nguyên liệu, nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

Do thị trường tiêu thụ nội địa có xu hướng ổn định, Công ty đã phát triển nhanh thị trường tiêu thụ Xuất khẩu. Vì vậy, kết quả sản xuất kinh doanh đạt được rất cao, trong khi kinh tế thế giới đang ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính tác động.

3.2 Công tác Tài chính – Kế toán

Công tác Tài chính luôn bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị về các chỉ tiêu: Nộp ngân sách, doanh thu, lợi nhuận. Dựa trên tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty qua các thời điểm tháng, quý, thông tin tài chính đã giúp cho lãnh đạo Công ty nắm bắt được tình hình thực tế, từ đó có những giải pháp để chỉ đạo sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Kết quả kiểm soát, kiểm tra của Ban kiểm soát và đã xác nhận tình hình quản lý hạch toán tại các đơn vị trực thuộc từ khâu sổ sách chứng từ ban đầu đến khâu hạch toán và báo cáo hầu như không có sai sót. Về cơ bản hoạt động Kế toán – Tài chính các đơn vị và Công ty đi vào nề nếp, đúng chế độ và ổn định.

Về hoạt động chứng khoán: Công ty thành lập riêng một tiểu ban chứng khoán làm công tác công bố thông tin, giải đáp các thắc mắc liên quan đến lĩnh vực chứng khoán đảm bảo Công ty luôn công bố thông tin kịp thời, chính xác làm đúng theo luật chứng khoán của Nhà nước ban hành.

3.3 Công tác tổ chức, lao động tiền lương:

Năm 2011, Công ty đã chú trọng đến công tác quản trị nhân sự, thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nhân lực: cải tiến công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn của CBCNV nhất là đội ngũ cán bộ quản lý.

Thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm, các loại phụ cấp cho người lao động theo chế độ, Công ty đã tiến hành giao đơn giá tiền lương gắn với kết quả sản phẩm cho tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất, chỉnh lý lại Quy chế trả tiền lương, tiền thưởng cho phù hợp với hoạt động của Công ty và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

3.4 Công tác kinh doanh và công nghệ:

- Trong điều kiện nguyên liệu dư thừa trên thị trường, vì vậy ngoài các kênh tiêu thụ truyền thống là các Công ty thuốc lá điều trong Tổng Công ty, Công ty đã có những biện pháp khai thác thêm các kênh tiêu thụ khác, nghiên cứu và đưa ra các mẫu nguyên liệu thuốc lá tước cọng phù hợp với nhu cầu của khách hàng và chào mẫu nguyên liệu xuất khẩu nhằm giải quyết đầu vào gia công chế biến cho XNCB, thu mua được sản lượng trong dân đảm bảo thu hồi vốn đầu tư, tăng giá trị hiệu quả kinh doanh. Kết quả các mẫu NSM7, NSM6, NSM8, VSC3, NSB1F, VSC1, VSC2, LSB1... của Công ty đã đáp ứng được yêu cầu của khách hàng và mang lại giá trị hiệu quả kinh tế cao, góp phần vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011.

3.5 Hoạt động sản xuất gia công chế biến:

Năm 2011, Công ty thực hiện gia công chế biến đạt 8.300 tấn thành phẩm nguyên liệu lá thuốc lá, bằng 83 % so với kế hoạch. Mặc dù nguồn nguyên liệu đầu vào bị động tuy nhiên bằng nhiều giải pháp điều hành linh hoạt và hợp lý trong sản xuất vì vậy, dây chuyền đảm bảo hoạt động được liên tục, sản lượng sơ chế tách cọng đạt 8.300 tấn, bằng 83% kế hoạch và bằng 78,3% so với CKNT. Bên cạnh đó, sản lượng sản xuất tại dây chuyền sấy lại đạt 1.530 tấn thành phẩm, tăng 53% so với KH, góp phần tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty.

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2011

Mẫu B 01-DN**ĐVT: VND**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		281.267.673.972	384.117.536.510
I. Tiền	110		8.282.510.853	7.351.140.041
1. Tiền	111	4	8.282.510.853	7.351.140.041
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.424.039.650	75.854.947.370
1. Phải thu khách hàng	131		56.277.033.128	67.180.222.116
2. Trả trước cho người bán	132		9.262.406.201	130.122.227
5. Các khoản phải thu khác	135		1.660.012.305	8.965.273.833
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(775.411.984)	(420.670.806)
IV. Hàng tồn kho	140	5	193.013.474.835	293.808.089.847
1. Hàng tồn kho	141		193.013.474.835	295.853.739.004
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.045.649.157)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.547.648.634	7.103.359.252
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		134.342.092	55.771.667
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.173.188.447	6.341.476.358
3. Các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.240.118.095	706.111.227
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.851.369.366	67.562.524.980
I. Tài sản cố định	220		81.857.616.098	38.823.684.709
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	41.156.388.152	37.569.766.349
- Nguyên giá	222		102.157.070.616	90.527.863.102
- Giá trị hao mòn	223		(61.000.682.464)	(52.958.096.753)
3. Tài sản cố định vô hình	227		103.447.907	32.999.996
- Nguyên giá	228		334.697.000	248.797.000
- Giá trị hao mòn	229		(231.249.093)	(215.797.004)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		40.597.780.039	1.220.918.364
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	7	10.222.341.354	11.525.503.614
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		7.750.000.000	7.750.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(2.527.658.646)	(1.224.496.386)
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.771.411.914	17.213.336.657
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	18.771.411.914	17.213.336.657
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		392.119.043.338	451.680.061.490

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2009

Mẫu B 01-DN**ĐVT: VND**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		263.890.331.226	328.468.351.703
I. Nợ ngắn hạn	310		177.675.191.849	306.883.135.229
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	78.986.465.568	213.604.564.578
2. Phải trả người bán	312		23.374.416.218	2.027.105.881
3. Người mua trả tiền trước	313	11	39.864.295.461	56.120.128.043
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	8.635.735.180	14.327.554.801
5. Phải trả người lao động	315		6.183.500.176	3.930.824.581
6. Chi phí phải trả	316		1.060.366.640	246.633.164
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	18.827.352.812	16.106.098.485
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		743.059.794	520.225.696
II. Nợ dài hạn	330		86.215.139.377	21.585.216.474
3. Phải trả dài hạn khác	334	13	20.867.615.255	20.867.615.255
4. Vay và nợ dài hạn	333	14	64.792.168.776	-
6. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		555.355.346	717.601.219
B. NGUỒN VỐN	400		128.228.712.112	123.211.709.787
I. Vốn chủ sở hữu	410		128.228.712.112	123.211.709.787
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	69.131.330.000	69.131.330.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	16.351.574.000	16.351.574.000
3. Chênh lệch tỷ giá	414		(148.571.327)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	20.120.462.128	19.037.462.128
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	2.759.539.000	1.985.539.000
9. Quỹ khác của vốn chủ sở hữu	419	17	1.369.510.636	595.510.636
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	18.644.867.675	16.110.294.023
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		392.119.043.338	451.680.061.490

0100
CỘNG
CỔ PHẦN
NGÂN HÀNG
SƠN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu B 02-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	622.307.970.479	526.142.659.014
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		622.307.970.479	526.142.659.014
4. Giá vốn hàng bán	11	19	518.809.819.459	438.874.336.047
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.498.151.020	87.268.322.967
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2.020.089.073	3.319.455.713
7. Chi phí tài chính	22	21	30.784.220.868	31.345.818.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.611.908.506	(29.564.956.452)
8. Chi phí bán hàng	24		11.793.118.949	11.000.656.484
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		38.182.412.143	27.765.730.645
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.758.488.133	20.475.573.551
11. Thu nhập khác	31		298.429.918	131.706.787
12. Chi phí khác	32		229.418.309	43.456.611
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác	40		69.011.609	88.250.176
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.827.499.742	20.563.823.727
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	22	6.245.286.690	5.081.761.619
17. Lợi nhuận sau thuế	60		18.582.213.052	15.482.062.108
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	2.688	2.860

Phân tích các vấn đề kiểm toán lưu ý:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã lưu ký đối với số dư Sổ dư khoản mục Người mua trả tiền trước của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 56 tỷ đồng bao gồm khoản trả trước của khách hàng ALLIANCE ONE INTERNATIONAL, AG số tiền 53 tỷ đồng tương ứng 634 tấn nguyên liệu thuốc lá đã chế biến. Theo hợp đồng, số lượng hàng nói trên phải được giao trong năm 2010. Tuy nhiên, do hạn chế từ phía khách hàng nên các Bên thống nhất điều chỉnh thời gian giao hàng chậm nhất đến ngày 30/06/2012 cho số hàng còn lại 396 tấn tương đương khoảng 39 tỷ đồng.

- Chi phí nhân công thuê ngoài hàng năm được phản ánh trực tiếp vào chi phí dịch vụ mua ngoài của Xí nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá (Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty) là do số lượng nhân công không nằm trong định biên lao động, phát sinh theo thực tế phát sinh công việc.

V. Bản giải trình báo cáo tài chính

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

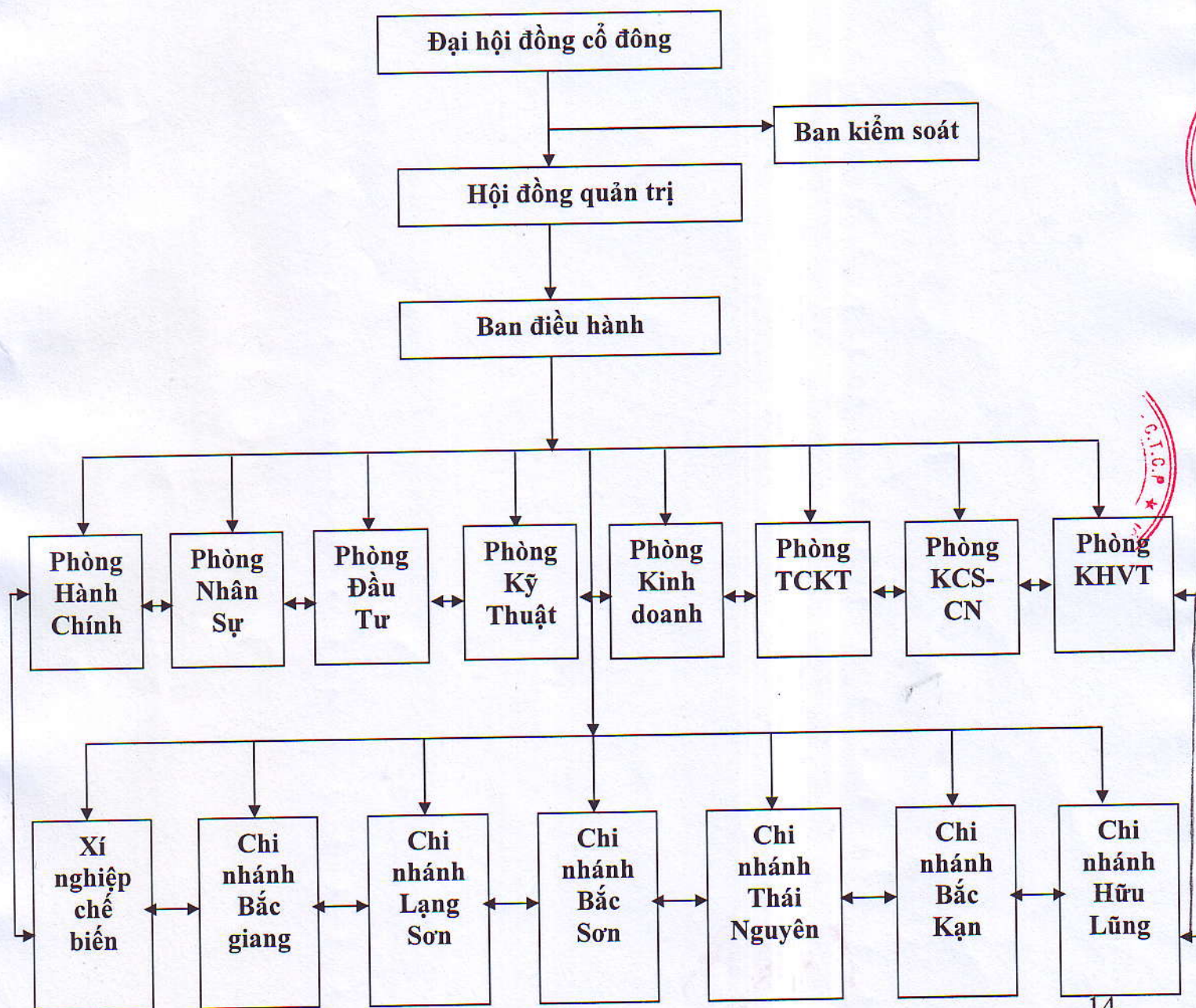
Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà 167, Phố Bùi Thị Xuân, Hà Nội

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Ngân Sơn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt nam, Hệ thống Kế toán Việt nam và các quy định pháp lý liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

VI. Tổ chức và nhân sự:

- Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Ngân Sơn



- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. HỌ VÀ TÊN: TRẦN ĐĂNG KIÊN

- ☐ Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị
- ☐ Giới tính : Nam
- ☐ Ngày tháng năm sinh : 4/5/1954
- ☐ Nơi sinh : Đồi Sơn, Duy Tiên, Hà Nam
- ☐ Quốc tịch : Việt Nam
- ☐ Địa chỉ thường trú : Số 2, Ngõ 114 Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- ☐ Điện thoại liên lạc : 091 322 0280
- ☐ Trình độ : Tiến sỹ

2. HỌ VÀ TÊN: NGUYỄN VĂN THỊNH

- ☐ Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty
- ☐ Giới tính : Nam
- ☐ Ngày tháng năm sinh : 20/8/1954
- ☐ Nơi sinh : Đồi Sơn, Hải Phòng
- ☐ Quốc tịch : Việt Nam
- ☐ Địa chỉ thường trú : 989 Đường Hồng Hà Phường Chương Dương Quận Hoàn Kiếm Hà Nội
- ☐ Điện thoại liên lạc : 090 342 7056
- ☐ Trình độ : Thạc sỹ Kinh tế

3. HỌ VÀ TÊN: NGUYỄN SƠN THỦY

- ☐ Chức vụ : Ủy viên Hội Đồng Quản trị
- ☐ Giới tính : Nam
- ☐ Ngày tháng năm sinh : 24/12/1959
- ☐ Nơi sinh : Hà Nội
- ☐ Quốc tịch : Việt Nam
- ☐ Địa chỉ thường trú : Số 21 Ngõ 189/80 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội
- ☐ Điện thoại liên lạc : 091 322 3679
- ☐ Trình độ : Thạc sỹ

4. Họ và tên: NGUYỄN ANH TUẤN

- ☐ Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty
- ☐ Giới tính : Nam
- ☐ Ngày tháng năm sinh : 27/6/1973
- ☐ Nơi sinh : Từ Liêm, Hà Nội

- ☐ Quốc tịch : Việt Nam
- ☐ Địa chỉ thường trú : Đốc Bạc, Thụy Phương, Từ Liêm, Hà Nội
- ☐ Điện thoại liên lạc : 0989 169 979
- ☐ Trình độ : Thạc sỹ

5. Họ và tên: NGUYỄN THỊ HOÀNG HÀ

- ☐ Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị
- ☐ Giới tính : Nữ
- ☐ Ngày tháng năm sinh : 13/6/1957
- ☐ Nơi sinh : Hà Nội
- ☐ Quốc tịch : Việt Nam
- ☐ Địa chỉ thường trú : Số 63 Trần Quang Diệu, Quận Đống Đa, Hà Nội
- ☐ Điện thoại liên lạc : 091 324 8901
- ☐ Trình độ : Cử nhân Đại học Bách Khoa Hà Nội

6. Họ và tên: TRẦN XUÂN THỊNH

- ☐ Chức vụ : Phó Giám đốc
- ☐ Giới tính : Nam
- ☐ Ngày tháng năm sinh : 28/7/1953
- ☐ Nơi sinh : Lạng Sơn
- ☐ Quốc tịch : Việt Nam
- ☐ Địa chỉ thường trú : Số nhà 31 Ngô Quyền, Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn
- ☐ Điện thoại liên lạc : 091 327 7607
- ☐ Trình độ : Kỹ sư cơ khí

7. Họ và tên: NGUYỄN CHÍ THANH

- ☐ Chức vụ : Phó Giám đốc
- ☐ Giới tính : Nam
- ☐ Ngày tháng năm sinh : 06/12/1974
- ☐ Nơi sinh : Hà Nội
- ☐ Quốc tịch : Việt Nam
- ☐ Địa chỉ thường trú : 4A Lê Thánh Tông, Hà Nội
- ☐ Điện thoại liên lạc : 094 612 1974
- ☐ Trình độ : Thạc sỹ

- Quyền lợi của Giám đốc: Hưởng theo quỹ lương khoán
- Số lượng cán bộ, nhân viên có hợp đồng lao động 1 năm trở lên: 454 người.

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên không chuyên trách, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên không chuyên trách.

- Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị tổ chức họp thường kỳ và bất thường (kể cả triệu tập Đại Hội đồng cổ đông bất thường); Sửa đổi bổ sung Điều lệ của Công ty phù hợp với quy định pháp luật và thực tế hoạt động Công ty; Hoàn chỉnh hệ thống tổ chức hoạt động các đơn vị trực thuộc và hệ thống hành lang pháp lý làm cơ sở cho Ban điều hành hoạt động triển khai.

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Tiến hành triển khai công việc theo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, các kỳ báo cáo.

Đưa ra kế hoạch kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty trong kỳ và báo cáo tài chính các kỳ trong năm.

Đáp ứng được yêu cầu quản lý của Hội đồng Quản trị, Giám đốc điều hành.

Phối kết hợp với các Phòng chuyên môn Công ty tiến hành kiểm tra các mặt hoạt động của Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc, kiểm soát công tác kiểm kê đánh giá tài sản cuối năm và xử lý những mặt tồn tại làm cơ sở lập báo cáo tài chính.

Tham khảo ý kiến của kiểm toán, thuế trong việc quản lý chi phí, doanh thu, thuế và xử lý tài sản còn tồn đọng.

Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế toán quản trị chi phí, thẩm định lại báo cáo tài chính và các báo cáo khác của Công ty như:

Báo cáo kiểm kê tài sản, báo cáo quyết toán thuế.

Báo cáo tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

...

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát

Thù lao của Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/ tháng

Ủy viên HĐQT: 2.000.000 đồng/ tháng

Thù lao Ban Kiểm soát:

Trưởng Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/ tháng

Ủy viên Ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/ tháng

Bồi dưỡng họp thường kỳ:

Thành viên HĐQT, BKS: 500.000 đồng/người/kỳ họp

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT đến 08/03/2012:

Ông Trần Đăng Kiên: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phần nắm giữ: 3.527.782 cổ phần

Trong đó: Sở hữu nhà nước: 3.525.599 cổ phần

(Đại diện phần vốn nhà nước của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam)

Sở hữu cá nhân: 2.183 cổ phần

Tỷ lệ nắm giữ: 51,03%

Ông Nguyễn Văn Thịnh: Ủy viên Hội đồng quản trị
 Số lượng nắm giữ: 102.884 cổ phần
 Trong đó: Sở hữu nhà nước: Không
 Sở hữu cá nhân: 102.884 cổ phần
 Tỷ lệ nắm giữ: 1,488%

Ông Nguyễn Sơn Thủy: Ủy viên Hội đồng quản trị
 Số lượng nắm giữ: 394.170 cổ phần
 Trong đó: Sở hữu tập thể: 394.170 cổ phần
 (Đại diện cho Công ty TNHH 1 thành viên Thuốc lá Thăng Long)
 Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 Tỷ lệ nắm giữ: 5,702%

Ông Nguyễn Anh Tuấn: Ủy viên Hội đồng quản trị
 Số lượng nắm giữ: 5.404 cổ phần
 Trong đó: Sở hữu Nhà nước: Không
 Sở hữu cá nhân: 5.404 Cổ phần
 Tỷ lệ nắm giữ: 0,078%

Bà Nguyễn Thị Hoàng Hà: Ủy viên Hội đồng quản trị
 Số lượng nắm giữ: 2.189 cổ phần

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

2.1. Cổ đông trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước đến 08/3/2012
 - + Phần vốn nhà nước: 3.525.599 cổ phần
 - + Cán bộ công nhân viên Công ty: 423.823 cổ phần
 - + Tổ chức, cá nhân bên ngoài: 2.677.878 cổ phần
 - + Nước ngoài: 285.833 cổ phần
- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn theo nội dung:

+ Tên: Tổng công ty Thuốc lá Việt nam

Địa chỉ liên lạc : 25A Lý Thường Kiệt – Hà nội

Ngành nghề hoạt động: Sản xuất kinh doanh thuốc lá bao, kinh doanh đa ngành.

Số lượng cổ phần sở hữu trong công ty: 3.525.599; Tỷ lệ: 51%

Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần: không.

+ Tên: Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Sài sòn

Địa chỉ liên lạc : 152 Trần phú - Quận 5 – TP Hồ Chí Minh

Ngành nghề hoạt động: Sản xuất kinh doanh thuốc lá bao

Số lượng cổ phần sở hữu trong công ty: 371.646; Tỷ lệ: 5,38%

Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần: không.

+ Tên: Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Thăng long

Địa chỉ liên lạc : 235 Nguyễn Trãi – Thanh xuân – Hà nội

Ngành nghề hoạt động: Sản xuất kinh doanh thuốc lá bao

Số lượng cổ phần sở hữu trong công ty: 394.170; Tỷ lệ: 5,702%

Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần: không.

+ Tên: Công ty TNHH một thành viên Viện kinh tế kỹ thuật thuốc lá
Địa chỉ liên lạc: 235 Nguyễn Trãi – Thanh xuân – Hà nội
Ngành nghề hoạt động: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học kỹ thuật, sản xuất kinh doanh thuốc lá lá, kinh doanh thuốc lá bao ...
Số lượng cổ phần sở hữu trong công ty: 466.010; Tỷ lệ: 6,74%
Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần: không.

2.2. Cổ đông nước ngoài

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài đến hết 08/03/2012:

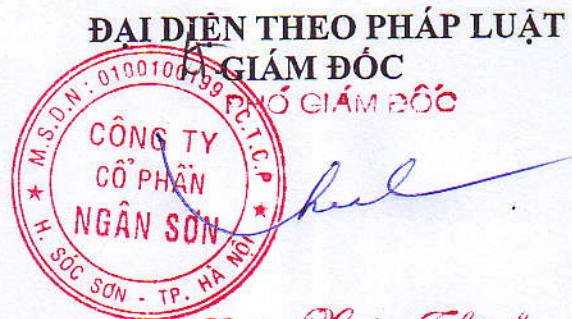
Cổ đông tổ chức: 4.000 cổ phần

Cổ đông cá nhân: 281.833 cổ phần

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần Công ty: 4,134%

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- Lưu: TCKT, VT.



Trần Xuân Thịnh